

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ THIỆN**

Số: 1462/UBND-TH

V/v đăng ký danh mục, nhu cầu
kinh phí Chương trình MTQG
phát triển kinh tế - xã hội vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và
miền núi giai đoạn 2021 - 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Phú Thiện, ngày 14 tháng 12 năm 2020

Kính gửi:

- Các phòng: Dân tộc, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Lao động - TBXH, Kinh tế - Hạ tầng, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Văn hóa - Thông tin, Tài chính - Kế hoạch;
- Trung tâm Y tế;
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp;
- Trung tâm Văn hóa – Thông tin, Thể thao;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 942/BDT-CSKH ngày 07/12/2020 của Ban Dân tộc tỉnh về việc đăng ký danh mục, nhu cầu kinh phí Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; UBND huyện yêu cầu các phòng, ban thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn căn cứ thực trạng của địa phương, kiểm tra, xác định đăng ký danh mục, nhu cầu kinh phí các dự án thành phần thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025, cụ thể như sau:

1. Phòng Dân tộc chủ trì phối hợp các phòng ban liên quan và UBND các xã thị trấn tổng hợp việc đăng ký các danh mục, nhu cầu kinh phí thuộc Dự án 1 (Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt):

1.1. Đối tượng thụ hưởng: Hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN).

1.2. Nội dung thực hiện:

- Hỗ trợ đất ở: định mức 80 triệu đồng/hộ, trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ 40 triệu đồng/hộ; ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu 4 triệu đồng/hộ; vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội 25 triệu đồng/hộ, thời gian vay tối đa là 15 năm với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo theo quy định hiện hành và hỗ trợ từ cộng đồng, doanh nghiệp, gia đình, dòng họ và các nguồn vốn khác tối thiểu 11 triệu đồng/hộ.

- Hỗ trợ nhà ở: định mức 80 triệu đồng/căn/hộ, trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ 40 triệu đồng/hộ; ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu 4 triệu đồng/hộ; vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội 25 triệu đồng/hộ, thời gian vay tối đa là 15 năm với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo theo quy định hiện hành và hỗ trợ từ cộng đồng, doanh nghiệp, gia đình, dòng họ và các nguồn vốn khác tối thiểu 11 triệu đồng/hộ.

- Hỗ trợ đất sản xuất: hỗ trợ tối đa là 100 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương hỗ trợ là 22,5 triệu đồng/hộ và được vay vốn tín dụng từ Ngân hàng Chính sách xã hội tối đa 77,5 triệu đồng/hộ để tạo quỹ đất, thời gian vay tối đa là 10 năm với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo theo quy định hiện hành.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: ngân sách Trung ương hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ và được vay vốn tín dụng chính sách tối đa áp dụng đối với hộ nghèo trong từng thời kỳ; thời hạn vay tối đa là 10 năm; lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo theo quy định hiện hành.

- Hỗ trợ nước sinh hoạt: định mức 3 triệu đồng/hộ đối với nước sinh hoạt phân tán và 3 tỷ đồng/công trình đối với nước sinh hoạt tập trung.

2. Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp triển khai thực hiện Dự án 2 (Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết):

- Trên cơ sở 21 Dự án đã đăng ký theo yêu cầu tại Công văn số 669/BDT-CSKH ngày 21/9/2020 (có Biểu số 02 chi tiết kèm theo Công văn này), yêu cầu Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp phối hợp với UBND các xã kiểm tra, rà soát đối tượng thụ hưởng, tham mưu UBND huyện xây dựng chi tiết từng Dự án (nguồn vốn đầu tư và nguồn vốn sự nghiệp) gửi về Ban Dân tộc (01 bản scan, 02 bản dấu đỏ) **trước ngày 18/12/2020.**

- Suất đầu tư ≤ 300 triệu/hộ.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì phối hợp các phòng ban liên quan và UBND các xã thị trấn tổng hợp việc đăng ký các danh mục, nhu cầu kinh phí thuộc Dự án 3 (Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị):

3.1. Tiểu Dự án 1 (Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân):

a. Đối tượng thụ hưởng:

- Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng dân tộc và miền núi, có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng: bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng.

- Cộng đồng dân cư thôn được giao rừng theo quy định của pháp luật, tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng dân tộc và miền núi theo tiêu chí Thủ tướng Chính phủ quy định, thực hiện bảo vệ rừng được giao hoặc rừng nhận khoán.

b. Nội dung thực hiện:

- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ; rừng đặc dụng, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên Nhà nước giao cho các công ty lâm nghiệp quản lý; rừng chưa giao, chưa cho thuê do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quản lý.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.

- Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung.

- Hỗ trợ trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ đối với diện tích đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình được hỗ trợ một lần cho chu kỳ đầu tiên để trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ.

- Trồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình: Nhà nước cấp kinh phí theo thiết kế - dự toán để trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và được hưởng lợi từ rừng theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

- Trợ cấp gạo trồng rừng cho hộ gia đình nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ.

c. Về mức hỗ trợ: trước mắt, tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách đầu tư hiện hành; Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2020.

3.2. Tiểu dự án 2 (Đầu tư, phát triển các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm theo chuỗi giá trị, vùng trồng sâm Ngọc linh và dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN):

a. Đầu tư phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo chuỗi giá trị:

*** Đối tượng thụ hưởng:**

Hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo ở các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn tham gia thực hiện các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị. Trong đó ưu tiên: hộ nghèo DTTS còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; hộ nghèo DTTS; hộ có chủ hộ là nữ DTTS.

*** Nội dung, kinh phí thực hiện:**

Hỗ trợ mỗi xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), thôn ĐBKK một dự án phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo chuỗi giá trị (dự án chăn nuôi bò, gà, hoặc gia súc khác phù hợp với điều kiện của địa phương: hỗ trợ một phần kinh phí mua

giống, vật tư thiết yếu; kinh phí xây dựng dự án, theo dõi, giám sát, hướng dẫn kỹ thuật, hội thảo đánh giá; kinh phí liên kết theo chuỗi giá trị). Tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương để lựa chọn dự án chăn nuôi cho phù hợp.

- Dự án chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản hoặc vật nuôi khác phù hợp với điều kiện của địa phương (xã ĐBK):

+ Số hộ tham gia: 20 – 25 hộ/dự án;

+ Dự án chăn nuôi bò thịt khoảng 60 con, bò sinh sản khoảng 40 con;

+ Vốn ngân sách: 450 triệu/dự án;

+ Vốn tín dụng chính sách: 900 triệu/dự án, thời hạn vay 3 năm, lãi suất bằng 50% lãi suất tín dụng chính sách cho người nghèo từng thời kỳ.

- Dự án chăn nuôi gà hoặc vật nuôi khác phù hợp với điều kiện của địa phương (thôn ĐBK):

+ Số hộ tham gia: 5 đến 10 hộ;

+ Số lượng gà một dự án khoảng: 3000 con;

+ Vốn ngân sách: 75 triệu đồng/dự án;

+ Vốn tín dụng chính sách: 150 triệu/dự án, thời hạn vay 3 năm, lãi suất bằng 50% lãi suất tín dụng chính sách cho người nghèo từng thời kỳ.

b. Đầu tư vùng trồng dược liệu quý:

*** Đối tượng thụ hưởng:**

- Cá nhân, hộ gia đình người DTTS, hộ nghèo sinh sống trong vùng có điều kiện tự nhiên phù hợp để phát triển sâm và dược liệu quý;

- Thôn, bản, xã, huyện, tỉnh nơi triển khai dự án.

- Doanh nghiệp triển khai dự án nuôi trồng dược liệu quý hoặc xây dựng trung tâm nhân giống dược liệu quý ứng dụng công nghệ cao có sử dụng tối thiểu 70% lao động là người DTTS tại chỗ (phần đầu có ít nhất 50% lao động là nữ) và có đăng ký hoạt động, nộp thuế ở địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN, cam kết hỗ trợ thu mua và tiêu thụ dược liệu sản xuất trong vùng.

*** Phạm vi theo tiêu chí:**

Các huyện nghèo triển khai thực hiện dự án phải đảm bảo đáp ứng các tiêu chí sau:

- Có ít nhất 50% tỷ lệ dân số là người DTTS;

- Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện từ 30% trở lên hoặc tỷ lệ hộ DTTS nghèo từ 50% trở lên (lựa chọn thí điểm ở các huyện nghèo);

- Đối với các dự án có đề xuất triển khai trồng Sâm Ngọc Linh, cần có độ cao từ 1.000 mét trở lên so với mực nước biển; có ít nhất 1.000 ha rừng nguyên sinh và rừng phòng hộ.

*** Nội dung, kinh phí thực hiện:**

- Địa phương triển khai dự án hỗ trợ, bố trí, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuê đủ môi trường rừng để triển khai dự án căn cứ thực tế của từng tỉnh.

- Nhà nước hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/ha, nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án, áp dụng với cả các dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để hình thành vùng nguyên liệu.

- Nhà nước hỗ trợ đầu tư các khu, vùng nuôi trồng được liệu ứng dụng công nghệ cao với mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/ha để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường.

- Trường hợp ngoài hàng rào dự án chưa có đường giao thông đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước để phục vụ dự án, Nhà nước hỗ trợ bổ sung 70% chi phí và không quá 05 tỷ đồng đầu tư xây dựng các hạng mục trên.

- Nhà nước hỗ trợ 60% kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở chế biến được liệu quý với mức hỗ trợ tối đa không quá 15 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

- Nhà nước hỗ trợ 70% kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở bảo quản được liệu quý (gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học...) với mức hỗ trợ tối đa không quá 2 tỷ đồng/dự án để xây dựng hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nhà xưởng và mua thiết bị.

- Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ với mức hỗ trợ 02 triệu đồng/tháng/lao động, thời gian hỗ trợ 03 tháng.

- Nhà nước hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm, không quá 100 triệu đồng/ha giống vật tư và, không quá 35 triệu đồng/ha bao bì, nhãn mác sản phẩm.

- Nhà nước hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh; tổng mức hỗ trợ cho 01 dự án tối đa không quá 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 01 tỷ đồng.

- Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, với mức hỗ trợ 80% kinh phí thực hiện, không quá 300 triệu đồng/đề tài/bản quyền/công nghệ.

- Nhà nước hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.

- Đối với các dự án trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao, Nhà nước hỗ trợ 01 lần 80% chi phí sản xuất giống gốc với mức hỗ trợ tối đa không

quá 28 tỷ đồng/dự án, và 50% chi phí sản xuất giống thương phẩm với mức hỗ trợ tối đa không quá 470 triệu đồng/ha.

- Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn vay Ngân hàng Chính sách với lãi suất áp dụng mức cho vay cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người DTTS (3.96%/năm) với tổng mức vay không quá 40% tổng mức đầu tư dự án và không quá 99 tỷ đối với dự án nuôi trồng dược liệu và không quá 90 tỷ đối với dự án trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao. Kỳ hạn khoản vay tối đa là 10 năm, nhà nước hỗ trợ lãi suất cho khoản vốn vay tại Ngân hàng Chính sách là 03%/năm trong 05 năm từ 2021 đến 2025.

c. Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN:

*** Đối tượng thụ hưởng:**

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ nhóm hợp tác đang hoạt động trong khu vực các xã ĐBKK thành lập trong giai đoạn 2016 - 2020 có kế hoạch mở rộng kinh doanh, sản xuất; hoặc các doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động trong khu vực các xã ĐBKK mới thành lập trong giai đoạn 2021 - 2026.

- Các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh vùng đồng bào DTTS và MN tại các trường đại học, các cơ sở giáo dục đào tạo có đông sinh viên người DTTS đang theo học, có kế hoạch triển khai các hoạt động hỗ trợ, ương tạo người DTTS khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh.

- Người dân sinh sống và làm việc trong khu vực các xã ĐBKK.

- Sinh viên DTTS đang theo học tại các trường đại học có nguyện vọng khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh ở vùng đồng bào DTTS và MN.

- Thanh niên và phụ nữ người đồng bào DTTS.

*** Nội dung thực hiện:**

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh.

- Hỗ trợ xây dựng và liên kết vận hành Trung tâm ương tạo, hỗ trợ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS & MN.

- Hoạt động thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS & MN.

- Hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS&MN.

4. Phòng Kinh tế - Hạ tầng chủ trì phối hợp các phòng ban liên quan và UBND các xã thị trấn tổng hợp việc đăng ký các danh mục, nhu cầu kinh phí thuộc Dự án 4 (Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc):

4.1. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN:

a. Đối tượng thụ hưởng:

- Các xã đặc biệt khó khăn, các thôn, bản đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Xã chưa có đường đến trung tâm xã.

- Xã có đường giao thông tới trung tâm xã nhưng chưa được kiên cố hóa.

b. Phạm vi thực hiện:

- Các xã, thôn đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu.

- Các xã, thôn vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Các xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư Dự án 9: “Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn” thì không nằm trong diện đầu tư của Dự án 4.

c. Nội dung, kinh phí thực hiện:

- Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu: định mức 2 tỷ đồng/xã ĐBKK/năm; 0,4 tỷ đồng/thôn ĐBKK/năm.

- Duy tu bảo dưỡng: định mức 140 triệu đồng/xã ĐBKK/năm, 30 triệu đồng/thôn ĐBKK/năm.

- Xây dựng mới hoặc cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã: suất đầu tư $\leq 1,6$ tỷ đồng/km.

4.2. Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Đối với chợ xây mới: hỗ trợ từ 01-05 tỷ đồng/chợ tùy vào quy mô của chợ (mức hỗ trợ theo phương án thiết kế và nhu cầu vốn được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, tối đa không quá 05 tỷ đồng/chợ).

- Đối với chợ cải tạo, nâng cấp: hỗ trợ từ 500 triệu - 01 tỷ đồng/chợ theo mức độ của dự án cải tạo nâng cấp chợ, mức hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/chợ.

Đây là kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương; căn cứ vào tình thực tế, địa phương có thể huy động thêm từ nguồn khác hoặc bố trí từ ngân sách địa phương để triển khai nếu kinh phí cao hơn mức được hỗ trợ.

5. Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nội vụ và Phòng Lao động - TBXH chủ trì phối hợp các phòng ban liên quan và UBND các xã thị trấn tổng hợp việc đăng ký các danh mục, nhu cầu kinh phí thuộc Dự án 5 (Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực), cụ thể:

5.1. Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện Tiểu dự án 1 (Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS):

a. Đối tượng thụ hưởng:

- Hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT, trường phổ thông dân tộc bồi thường (PTDTBT) và đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo

viên (GV), học sinh (HS) đang trực tiếp quản lý, giảng dạy và học tập tại các nhà trường. Ưu tiên đầu tư bổ sung, nâng cấp CSVC cho các trường PTDTNT, trường PTDTBT ở vùng DTTS&MN, vùng có điều kiện KT - XH ĐKKK và khó khăn, biên giới, hải đảo, các trường chưa có CSVC hoặc có nhưng còn phải thuê, mượn, xuống cấp.

- CBQL, GV, người tham gia thực hiện công tác XMC (già làng, trưởng bản, bộ đội biên phòng, trụ trì, sư, tăng, lễ tại các chùa, các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm...) ở vùng DTTS&MN. Ưu tiên đầu tư cho các địa phương ở vùng có điều kiện KT - XH ĐKKK, biên giới, hải đảo.

b. Nội dung thực hiện:

- Đầu tư trường PTDTBT, gồm: bổ sung, nâng cấp khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho HSBT và phòng công vụ GV. Bổ sung, nâng cấp khối phòng/công trình phục vụ học tập. Bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác (sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...). Nâng cao chất lượng dạy và học.

- Đầu tư trường PTDTNT, gồm: bổ sung, nâng cấp khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho HSNT. Bổ sung, nâng cấp khối phòng/công trình phục vụ học tập. Bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác (sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...). Nâng cao chất lượng dạy và học.

- Xóa mù chữ (XMC) cho người dân vùng đồng bào DTTS: xây dựng tài liệu phục vụ hướng dẫn dạy XMC, thiết kế công nghệ, thiết bị lưu trữ cơ sở dữ liệu về XMC, dạy học XMC. Bồi dưỡng, tập huấn. Truyền thông, tuyên truyền. Hỗ trợ người dân tham gia học XMC. Hỗ trợ tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm.

5.2. Phòng Nội vụ thực hiện Tiểu dự án 2 (Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng ĐBDTTS; đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp):

a. Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

*** Đối tượng thụ hưởng:**

- Bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc và dạy tiếng dân tộc thiểu số: cán bộ, công chức, viên chức theo dõi công tác dân tộc ở các bộ, ngành trung ương và cán bộ công chức, viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số; dạy tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức, viên chức, thuộc nhóm đối tượng 3, 4 tiếp xúc trực tiếp, làm việc với đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức công tác trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và trong các cơ quan công tác dân tộc được hỗ trợ trong đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học; ưu tiên người DTTS thuộc nhóm dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, rất ít người,

hộ dân tộc thiểu số nghèo thuộc các xã đặc biệt khó khăn, người DTTS có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ dân tộc thiểu số.

*** Phạm vi:**

- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc và dạy tiếng dân tộc thiểu số: các Bộ, ngành TW (cán bộ, công chức theo dõi công tác dân tộc); địa phương: vùng dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên các xã đặc biệt khó khăn, các xã còn khó khăn thuộc vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây nam duyên hải miền Trung.

- Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: vùng dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên các xã đặc biệt khó khăn, các xã còn khó khăn thuộc vùng Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây nam duyên hải miền Trung.

*** Nội dung, kinh phí thực hiện:** định mức 200 triệu đồng/lớp đối với bồi dưỡng kiến thức dân tộc, 420 triệu đồng/lớp đối với bồi dưỡng dạy tiếng DTTS, đào tạo dự bị đại học định mức 30 triệu đồng/HS, đào tạo đại học định mức 110 triệu đồng/SV, đào tạo thạc sỹ định mức 125 triệu đồng/HV, đào tạo tiến sỹ định mức 175 triệu đồng/HV.

b. Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai
Chương trình ở các cấp:

*** Đối tượng thụ hưởng:**

- Cán bộ cơ sở: cán bộ xã và thôn (bao gồm cả cán bộ luân chuyển, cán bộ tăng cường), cán bộ khuyến nông, thú y cấp xã và thôn; ưu tiên cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ trong các hoạt động nâng cao năng lực

- Cộng đồng: Ban giám sát cộng đồng xã, đại diện cộng đồng, người dân, cộng tác viên giảm nghèo, các tổ duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng tại thôn, người có uy tín trong cộng đồng, ưu tiên người dân tộc thiểu số và phụ nữ trong các hoạt động nâng cao năng lực.

*** Phạm vi:**

Các xã đặc biệt khó khăn (khu vực III), các thôn đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

*** Nội dung thực hiện:**

- Nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở: Quy trình triển khai dự án, tiêu dự án của Chương trình; quy trình, kỹ năng làm chủ đầu tư, nghiệp vụ đấu thầu, quản lý tài chính và thanh quyết toán; quy trình lập kế hoạch; kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện. Các kỹ năng về phát triển cộng đồng và các nội dung liên quan khác trong Chương trình.

- Nâng cao năng lực cho cộng đồng: Các kỹ năng về phát triển cộng đồng, tăng cường sự tham gia của cộng đồng, người nghèo, phụ nữ trong lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát cộng đồng với các hoạt động của Chương trình; kỹ năng xây dựng và vận hành tổ nhóm, tiếp cận thị trường, liên kết sản xuất, kỹ năng thực hiện gói thầu giao cho cộng đồng thi công theo cơ chế đặc thù; duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng...

*** Kinh phí thực hiện:**

Định mức 90 triệu đồng/xã/năm và 22,5 triệu đồng/thôn/năm (bằng 1,5 lần định mức nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở của Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020).

5.3. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp các phòng ban liên quan và UBND các xã thị trấn tổng hợp việc đăng ký các danh mục, nhu cầu kinh phí thuộc Tiểu dự án 3 (Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng dân tộc thiểu số và miền núi):

a. Đối tượng, phạm vi thực hiện:

Phạm vi thực hiện tại các địa phương vùng DTTS&MN, bao gồm:

- Người lao động vùng DTTS&MN.
- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng DTTS&MN và cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề nghiệp cho vùng DTTS&MN.
- Cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp vùng DTTS&MN.
- Người lao động là người DTTS, người lao động đang sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.
- Các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm.
- Các doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

b. Nội dung thực hiện:

- Hoạt động 1: Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, đặt hàng đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào DTTS và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo.

- Hoạt động 2: Hỗ trợ đào tạo nghề

+ Đào tạo mới; đào tạo cập nhật, nâng cao kiến thức kỹ năng; đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho người lao động khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp;

+ Đào tạo nhằm chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động; đào tạo để đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài; đào tạo nghề nghiệp tại doanh nghiệp...; đào tạo nghề nhằm phát triển thị trường được liệu quý.

Chính sách hỗ trợ đào tạo:

+ Đối với người học trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo dưới 03 tháng: Hỗ trợ chi phí đào tạo; Hỗ trợ tiền ăn; tiền đi lại. Mức hỗ trợ theo quy định tại chính sách hỗ trợ đào tạo sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng);

+ Đối với học sinh, sinh viên học trung cấp, cao đẳng: thực hiện theo chính sách hỗ trợ nội trú.

6. Phòng Văn hóa – Thông tin và Trung tâm Văn hóa – Thông tin, Thể thao chủ trì phối hợp các phòng ban liên quan và UBND các xã thị trấn tổng hợp việc đăng ký các danh mục, nhu cầu kinh phí thuộc Dự án 6 (Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch), cụ thể:

6.1. Đối tượng thụ hưởng:

- Ưu tiên người dân tộc thiểu số, hộ dân tộc thiểu số nghèo ở địa bàn đặc biệt khó khăn, người dân tộc thiểu số ít người, dân tộc thiểu số có hoàn cảnh có khăn, phụ nữ dân tộc thiểu số;
- Văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể tiêu biểu của đồng bào các dân tộc thiểu số;
- Thôn, bản, xã, huyện, tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

6.2. Nội dung thực hiện:

- Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số: bình quân 150 triệu/huyện, thị xã, thành phố cho giai đoạn 2021-2030.
- Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch: trung bình mỗi lễ hội được hỗ trợ 700 triệu đồng (Các chương trình đầu tư khôi phục, bảo tồn và xây dựng thành sản phẩm, quảng bá phát triển du lịch đầu tư từ 300 - 500 triệu đồng).
- Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận: hỗ trợ bình quân là 01 tháng lương cơ bản/nghệ nhân/tháng.
- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể: kinh phí cho mỗi lớp tập huấn, bồi dưỡng là 300 triệu đồng.
- Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một (Các hình thức sinh hoạt văn hóa, tập quán xã hội, nhạc cụ, kiến trúc truyền thống, trang phục truyền thống, các môn thể thao truyền thống...): hỗ trợ cho triển khai là 500 triệu đồng/chương trình (các dự án hỗ trợ khôi phục, bảo tồn văn hóa truyền thống triển khai theo Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ có mức kinh phí đầu tư từ 300 - 500 triệu đồng).
- Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số (mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù các dân tộc thiểu số, mô hình bảo vệ văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số; mô hình xây dựng đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số; mô hình di sản kết nối gắn với các hành trình du lịch di sản để phát

triển cộng đồng các dân tộc thiểu số có di sản tương đồng): kinh phí xây dựng mô hình là 500 triệu đồng/mô hình.

- Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư: hỗ trợ 300 triệu đồng/câu lạc bộ.

- Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: kinh phí hỗ trợ là 150 triệu đồng/đội văn nghệ (hỗ trợ trang thiết bị, nhạc cụ, đạo cụ và các vật tư liên quan đến xây dựng đội văn nghệ; hướng dẫn và tổ chức sinh hoạt, tập luyện chương trình, duy trì đội văn nghệ).

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng là 1,0 tỷ đồng/01 điểm đến du lịch (hoạt động hỗ trợ phát triển điểm đến du lịch cộng đồng được Tổng cục Du lịch phối hợp với các địa phương triển khai trên thực tiễn trong khuôn khổ Chương trình Hành động Quốc gia về Du lịch. Các hoạt động hỗ trợ bao gồm: chỉnh trang nhà vệ sinh, tăng cường trang thiết bị phòng ở, thiết bị phòng sinh hoạt cộng đồng, chỉnh trang cảnh quan đường, bãi đỗ xe...).

- Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số: hỗ trợ kinh phí 3 tỷ đồng/bộ ấn phẩm (Ấn phẩm sách: Lựa chọn nội dung, thu thập tư liệu biên tập, chỉnh sửa bản thảo và in ấn, xuất bản phẩm, lưu chiếu theo quy định; Ấn phẩm sách ảnh: Chi phí nhuận ảnh, biên tập, chỉnh sửa, thiết kế, in ấn, xuất bản, phát hành... Đĩa phim: Xây dựng kịch bản, nội dung, đạo diễn, tổ chức hiện trường, quay phim, biên tập, chỉnh sửa, thiết kế video, xuất bản, phát hành...).

- Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số (trang phục, nghệ thuật trình diễn dân gian...): hỗ trợ 1,5 tỷ đồng/Ngày hội, kinh phí chi cho hoạt động của Ban Tổ chức, Hội đồng thẩm định, Ban Trọng tài, Ban giám khảo và các giải thưởng...

- Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số: ngân sách Nhà nước hỗ trợ tổ chức 200 triệu đồng/cuộc cấp huyện; 400 triệu đồng/cuộc cấp tỉnh; 1.000 triệu đồng/cuộc cấp toàn quốc.

- Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: kinh phí hỗ trợ 500 triệu đồng/chương trình.

- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số: hỗ trợ kinh phí 10 tỷ đồng/làng, bản, buôn.

- Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số: hỗ trợ 10 tỷ đồng/lượt đối với việc tu bổ tổng thể và chống xuống cấp hỗ trợ mỗi di tích 01 tỷ đồng/lượt.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: kinh phí hỗ trợ 300 triệu đồng/suất. Hỗ trợ trang thiết bị: 50 triệu đồng/thiết chế; áp dụng cho thiết chế văn hóa, thể thao thôn vùng DTTS&MN, gồm hỗ trợ trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, thiết bị công nghệ thông tin.

7. Trung tâm Y tế chủ trì phối hợp các phòng ban liên quan và UBND các xã thị trấn tổng hợp việc đăng ký các danh mục, nhu cầu kinh phí thuộc Dự án 7 (Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em):

7.1. Đối tượng thụ hưởng:

- Người dân tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi.

- Trung tâm y tế huyện, trạm y tế (TYT) xã. Cán bộ y tế, dân số; nhân viên Trung tâm y tế huyện; nhân viên trạm y tế xã, viên chức dân số xã; nhân viên y tế thôn bản, công tác viên dân số; cô đỡ thôn bản (địa bàn các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi).

7.2. Nội dung thực hiện:

a. Hợp phần 1 (Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi):

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho TYT xã.

+ Đầu tư xây mới trạm y tế xã là các trạm chưa kiên cố (04 tỷ đồng/trạm).

+ Đầu tư cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã là các trạm chưa kiên cố, xuống cấp, hư hỏng (800 triệu đồng /trạm).

+ Bổ sung trang thiết bị y tế (các trang thiết bị cơ bản), túi truyền thông cho các trạm y tế xã và nhân viên y tế thôn bản.

- Đào tạo nhân lực y tế cho các huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn.

- Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã.

- Đào tạo y học gia đình cho nhân viên TYT xã.

- Hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn bản.

- Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm.

- Hỗ trợ người dân tộc thiểu số và miền núi tham gia bảo hiểm y tế.

b. Hợp phần 2 (Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS & MN đến năm 2030):

- Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh.

- Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới.

- Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c. Hợp phần 3 (Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ-trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số):

- Chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

- Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em.

- Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em.

d. Hợp phần 4 (Theo dõi, giám sát và quản lý dự án):

Tổ chức đánh giá đầu kỳ, sơ kết giữa kỳ năm 2025 và tổng kết cuối kỳ năm 2030 về những khó khăn, bất cập trong triển khai thực hiện để kịp thời có những điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp và đánh giá kết quả thực hiện dự án tổng thể.

8. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp các phòng ban liên quan và UBND các xã thị trấn tổng hợp việc đăng ký các danh mục, nhu cầu kinh phí thuộc Dự án 8 (Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em):

8.1. Đối tượng thụ hưởng:

Phụ nữ và trẻ em gái tại các xã và thôn bản đặc biệt khó khăn, ưu tiên phụ nữ và trẻ em gái là người DTTS trong các hộ nghèo, cận nghèo, nạn nhân bị mua bán, bị bạo lực gia đình, bị xâm hại tình dục, di cư lao động không an toàn/lấy chồng nước ngoài trở về, người khuyết tật.

8.2. Nội dung thực hiện:

a. Nội dung 1 (Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình

và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em):

- Xây dựng các nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng
- Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em.
- Hội thi/liên hoan các mô hình sáng tạo và hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình và mua bán phụ nữ và trẻ em.
- Đề xuất gói chính sách hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn.

b. Nội dung 2 (Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em):

- Phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản để tăng cường tiếp cận tín dụng, cải thiện cơ hội sinh kế, tạo cơ hội tạo thu nhập và lồng ghép giới.

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ 4.0 để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS

- Thí điểm và nhân rộng mô hình địa chỉ an toàn hỗ trợ bảo vệ phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình.

- Thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người.

c. Nội dung 3 (Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị):

- Đảm bảo tiếng nói và vai trò của phụ nữ trong các vấn đề kinh tế-xã hội tại địa phương, trong đó có thực hiện CTMTQG DTTS&MN.

- Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em (gái) trong phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng thông qua mô hình CLB “Thủ lĩnh của sự thay đổi”.

- Công tác giám sát và đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong CTMTQG DTTS&MN.

- Nâng cao năng lực của phụ nữ DTTS tham gia ứng cử, vận động bầu cử vào các cơ quan dân cử.

d. Nội dung 4 (Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng):

- Xây dựng chương trình phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn về lồng ghép giới.

- Thực hiện các hoạt động phát triển năng lực cho các cấp.

- Đánh giá kết quả hoạt động phát triển năng lực.

9. Phòng Dân tộc chủ trì phối hợp các phòng ban liên quan và UBND các xã thị trấn tổng hợp việc đăng ký các danh mục, nhu cầu kinh phí thuộc Dự án 9 (Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn):

9.1. Nội dung 1 (Đầu tư hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội):

a. Đối tượng thụ hưởng:

- Hộ, nhóm hộ các dân tộc thiểu số sinh sống tập trung có khó khăn đặc thù tại 355 thôn bản 154 xã, 44 huyện, 12 tỉnh: Ô Đu, Pu Péo, Si La, Rơ Măm, Brâu, Cống, Bô Y, Mảng, Lô Lô, Cờ Lao, La Ha, Pà Thên, Lự, Chứt, Phù Lá, La Hủ, Đan Lai.

- Hộ, nhóm hộ các dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn: Xinh mun, Co, Bru Vân Kiều, Mông, Khơ Mú, Kháng, Xơ Đăng, Hà Nhì, Raglay, Mông, Cơ Tu, Tà Ôi, La Chí, Xtiêng, Jrai (Gia rai).

b. Nội dung thực hiện:

- Xây dựng cơ sở hạ tầng các thôn, bản theo tiêu chí nông thôn mới:

Định mức đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo tiêu chí nông thôn mới và các chính sách khác hiện hành cao nhất phù hợp với tình hình thực tế từng thôn, bản của các địa phương.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế:

Đối với các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn: hỗ trợ một lần theo hộ hoặc cộng đồng phát triển chăn nuôi, sinh kế khác bình quân 13,8 triệu đồng/hộ; trong trường hợp xác định vật nuôi hoặc cây trồng khác phù hợp với địa phương, được phép đầu tư và tính quy đổi giá trị từ bò hoặc gà, nhưng tổng kinh phí hỗ trợ/hộ không thay đổi so với hạn mức được giao.

- Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào.

- Hỗ trợ bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù.

- Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở.

9.2. Nội dung 2 (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng ĐBDTTS&MN):

a. Đối tượng thụ hưởng:

- Nhóm vị thành niên, thanh niên là người dân tộc thiểu số;

- Các bậc cha mẹ và học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;

- Nhóm phụ nữ và nam giới người dân tộc thiểu số tảo hôn, kết hôn cận huyết thống;

- Lãnh đạo cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội các cấp trong vùng dân tộc thiểu số;

- Những người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số;

b. Nội dung thực hiện:

- Công tác truyền thông: Biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình. Tổ chức các hội nghị lồng ghép, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa, nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN. Tổ chức các hội thi tìm hiểu về pháp luật về hôn nhân, về kết hôn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số.

- Duy trì và triển khai Mô hình tại các xã/huyện/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao. Triển khai nhân rộng các mô hình phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc tham gia thực hiện Dự án.

- Kiểm tra, đánh giá, sơ, tổng kết việc thực hiện Mô hình, Dự án và thực hiện các chính sách.

c. Kinh phí: định mức kinh phí bằng giai đoạn 2016-2020.

10. Phòng Dân tộc chủ trì phối hợp các phòng ban liên quan và UBND các xã thị trấn tổng hợp việc đăng ký các danh mục, nhu cầu kinh phí thuộc Dự án 10 (Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình):

10.1. Tiểu dự án 1 (Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS; ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN):

- Nội dung 1 (Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng ĐBDTTS): định mức bằng giai đoạn 2016 – 2020.

- Nội dung 2 (Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS): định mức bằng giai đoạn 2016 – 2020.

- Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh trật tự vùng ĐBDTTS&MN: ≤250 triệu đồng/01 điểm truy cập internet/xã ĐBK (máy vi tính, máy photocopy, đường truyền internet...).

10.2. Tiểu dự án 2 (Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình):

Xây dựng dự toán, thuyết minh cụ thể theo các nội dung:

- Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án; xây dựng chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện.

- Huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng về các hoạt động của Chương trình.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất (khi cần thiết).

(Gửi kèm theo Biểu đăng ký nhu cầu kèm theo Công văn này)

11. Yêu cầu UBND các xã, thị trấn gửi báo cáo về các phòng, ban liên quan **trước ngày 17/12/2020**. Các phòng ban có tên trên tổng hợp, thẩm định và hoàn thành báo cáo gửi về UBND huyện (qua Phòng Dân tộc) **trước ngày 18/12/2020** (gửi kèm theo file mềm đến địa chỉ thanhlanphuthien@gmail.com).

12. Phòng Dân tộc có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn trong việc thực hiện Văn bản này; tổng hợp, tham mưu UBND huyện báo cáo về Ban Dân tộc tỉnh **trước ngày 21/12/2020**.

Nhận được Công văn này, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn khẩn trương triển khai thực hiện. Quá thời gian trên nếu đơn vị, địa phương nào không báo cáo thì chịu trách nhiệm trước UBND huyện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch; các PCT UBND huyện;
- Chánh, Phó CVP HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT, cvN 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

(Kèm theo Công văn số: 1462 /UBND-TH ngày 14 /12/2020 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

DỰ ÁN 2:

QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ ỒN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT TỈNH GIA LAI

Biểu số 02

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ phương án	Số dự án, phương án	Địa điểm (xã)	Quy mô		Tổng mức đầu tư giai đoạn 2021 -2025	Trong đó						
				Hộ	Khẩu		Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương			Vốn khác
							Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	
A	Bố trí sắp xếp hộ DTTS còn du canh, du cư	4		418	1.965	105.450	105.450	91.490	13.960	-	-	-	
1	Dự án sắp xếp hộ dân tộc thiểu số du canh, du cư làng Ia Jol và Ia Brél, xã Ia Le	1	Xã Ia Le, huyện Chư Puth	162	863	41.000	41.000	41.000		-			
2	Dự án sắp xếp hộ dân tộc thiểu số du canh, du cư xã Ia Sol	1	Xã Ia Sol, huyện Phú Thiện	38	172	21.300	21.300	16.740	4.560	-			
3	Dự án sắp xếp hộ dân tộc thiểu số du canh, du cư xã Chư A Thai	1	Xã Chư A Thai, huyện Phú Thiện	75	315	21.550	21.550	15.550	6.000	-			
4	Dự án sắp xếp hộ dân tộc thiểu số du canh, du cư Buôn Ma Jai	1	Xã Đất Bằng, huyện Krông Pa	143	615	21.600	21.600	18.200	3.400	-			
B	Bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do, vùng ĐBK, vùng biên giới	17	-	8.265	37.749	798.610	798.610	739.449	59.161	-	-	-	
I	Bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do												
1	Tập trung												
2	Xen ghép												
3	Ổn định tại chỗ												
II	Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn	13		4.366	20.534	581.610	581.610	530.449	51.161	-	-	-	
1	Tập trung												
2	Xen ghép												
3	Ổn định tại chỗ	13		4.366	20.534	581.610	581.610	530.449	51.161	-	-	-	
3.1	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng ĐBKK làng Díp, xã Ia Kreng	1	Xã Ia Kreng, huyện Chư Păh	259	1.265	45.000	45.000	40.500	4.500	-			

[illegible]

3	Ôn định tại chỗ	4		3.899	17.215	217.000	217.000	209.000	8.000	-	-	-
3.1	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư cho đồng bào dân tộc thiểu số biên giới xã Ia O	1	Xã Ia O, huyện Ia Grai	2.367	11.132	45.000	45.000	45.000		-		
3.2	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tập trung vùng biên giới xã Ia Púch	1	Xã Ia Púch, huyện Chư Prông	732	3.021	42.000	42.000	42.000		-		
3.3	Dự án ổn định dân cư vùng biên giới bị ảnh hưởng bởi thiên tai tập trung xã Ia Mor	1	Xã Ia Mor, huyện Chư Prông	630	2.562	80.000	80.000	75.000	5.000	-		
3.4	Dự án ổn định dân cư vùng biên giới có ảnh hưởng bởi thiên tai xã Ia Dom	1	Xã Ia Dom, huyện Đức Cơ	170	500	50.000	50.000	47.000	3.000	-		
	TỔNG CỘNG	21		8.683	39.714	904.060	904.060	830.939	73.121	-	-	-

*** Ghi chú:** Đề nghị kiểm tra, rà soát lại chính thức nhu cầu đầu tư, địa điểm xây dựng, đối tượng thụ hưởng và kinh phí, xây dựng Dự án chi tiết trên cơ sở danh mục 21 Dự án đã đăng ký ở trên.